

Số: /2025/NQ-HĐND Hải Dương, ngày tháng năm 2025
DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu,
trước tuổi và nghỉ thôi việc trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy
trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 28**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; ; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11
năm 2019; Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014; Luật Ngân sách nhà
nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của
Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu; Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31
tháng 12 năm 2024 về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức,
người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của
hệ thống chính trị;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu trước
tuổi và nghỉ thôi việc trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy trên địa bàn tỉnh Hải
Dương; Báo cáo thẩm tra số .../BC-BPC ngày tháng ... năm 2025 của Ban
Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các
vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức
nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc (nghỉ việc) trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ
máy trên địa bàn tỉnh Hải Dương, gồm:

1. Các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc
Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan Đảng, thuộc Ủy ban nhân dân
tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức (được giao biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước) cấp huyện trở lên trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo chủ trương của tỉnh quy định tại Điều 1 Nghị quyết này nghỉ việc trong thời gian 02 tháng đầu tiên kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan có thẩm quyền. Riêng đối với viên chức ngành Giáo dục - Đào tạo và Y tế chỉ áp dụng với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý.

2. Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức danh lãnh đạo quản lý không làm việc trực tiếp tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo chủ trương của tỉnh nhưng chịu sự tác động gián tiếp theo phương án sắp xếp công tác tổ chức cán bộ trên địa bàn tỉnh, nghỉ việc trong thời gian 02 tháng đầu tiên kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong quá trình thực hiện chính sách hỗ trợ.

2. Gắn với việc tinh giản biên chế do sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, chức vụ, chức danh.

3. Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch và theo quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm giải quyết chế độ, chính sách hỗ trợ kịp thời, đầy đủ theo quy định của pháp luật; sử dụng đúng, hiệu quả ngân sách nhà nước.

Điều 4. Cách xác định thời gian và tiền lương để tính hưởng chính sách hỗ trợ

1. Thời gian nghỉ sớm để tính số tháng hưởng chính sách hỗ trợ là thời gian kể từ thời điểm nghỉ hưu ghi tại quyết định nghỉ hưu trước tuổi đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II Nghị định 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

2. Thời gian tính trợ cấp thôi việc là thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc:

a) Trường hợp thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 05 năm trở lên thì thời gian tính hưởng trợ cấp thôi việc tối đa là 05 năm (60 tháng);

b) Trường hợp thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc dưới 05 năm thì thời gian tính hưởng trợ cấp thôi việc bằng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

3. Thời điểm lấy làm căn cứ để tính đủ tuổi đời hưởng chính sách hỗ trợ nghỉ việc là ngày 01 tháng sau liền kề với tháng sinh; trường hợp trong hồ sơ không xác định ngày, tháng sinh trong năm thì lấy ngày 01 tháng 01 của năm sinh.

4. Tiền lương tháng hiện hưởng là tiền lương tháng liền kề trước khi nghỉ việc, bao gồm: Mức tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp hoặc mức lương theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng lao động và các khoản phụ cấp

lương (gồm: Phụ cấp chức vụ lãnh đạo; phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề; phụ cấp ưu đãi theo nghề; phụ cấp trách nhiệm theo nghề; phụ cấp công vụ; phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị - xã hội).

Điều 5. Chính sách hỗ trợ nghỉ hưu trước tuổi

Cán bộ, công chức, viên chức thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này khi nghỉ hưu trước tuổi ngoài được hưởng chính sách theo quy định của pháp luật hiện hành còn được tính hỗ trợ như sau:

1. Đối với người có độ tuổi còn dưới 2 năm đến tuổi nghỉ hưu được hưởng các chế độ sau:

a) Được hưởng mức hỗ trợ bằng 01 tháng lương hiện hưởng nhân với số tháng còn lại kể từ thời điểm nghỉ hưu trước tuổi đến hết ngày 31 tháng 12 của năm nghỉ hưu trước tuổi.

Riêng đối tượng có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm nghỉ hưu trước tuổi thì số tháng được hưởng hỗ trợ tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định.

b) Được hưởng mức hỗ trợ bằng 0,2 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng nghỉ hưu trước tuổi.

2. Đối với người có độ tuổi còn từ đủ 2 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu được hưởng các chế độ sau:

a) Được hưởng mức hỗ trợ bằng 01 tháng lương hiện hưởng nhân với số tháng còn lại kể từ thời điểm nghỉ hưu trước tuổi đến hết ngày 31 tháng 12 của năm nghỉ hưu trước tuổi.

b) Được hưởng mức hỗ trợ bằng 0,1 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng nghỉ hưu trước tuổi (tối đa 60 tháng).

Điều 6. Chính sách hỗ trợ nghỉ thôi việc

Cán bộ, công chức, viên chức thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này khi nghỉ thôi việc ngoài được hưởng chính sách theo quy định của pháp luật hiện hành còn được tính hỗ trợ như sau:

1. Được hưởng mức hỗ trợ bằng 01 tháng lương hiện hưởng nhân với số tháng còn lại kể từ thời điểm nghỉ thôi việc đến hết ngày 31 tháng 12 của năm nghỉ việc.

2. Được hưởng mức hỗ trợ bằng 0,1 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ tại điểm a khoản 1; điểm a khoản 2 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết này: Dự toán năm ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị.

2. Kinh phí thực hiện chế độ tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 6 Nghị quyết này: Từ nguồn ngân sách nhà nước bổ sung.

Điều 8. Thu hồi số tiền đã hỗ trợ

1. Đối tượng áp dụng tại Điều 2 Nghị quyết này nếu được bầu cử, tuyển dụng, tiếp nhận (tuyển chọn) lại vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian 05 năm (60 tháng) kể từ ngày nghỉ việc thì phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền hỗ trợ đã nhận.

2. Cơ quan, đơn vị bầu cử, tuyển dụng, tiếp nhận (tuyển chọn) lại, có trách nhiệm thu hồi toàn bộ số tiền đã hỗ trợ, nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa XVII, kỳ họp thứ ... thông qua ngày... tháng ...năm... và có hiệu lực kể từ ngày... tháng... năm.../.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; (để b/c)
- Thủ tướng Chính phủ; (để b/c)
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL); (để b/c)
- Ban Công tác Đại biểu; (để b/c)
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy; (để b/c)
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Lãnh đạo và CV Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- TT HĐND và UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Hải Dương; Trang TTĐT HĐND tỉnh, Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT,.....

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu